

Số: 35/2024/QĐST- HNGĐ

Triệu Sơn, ngày 19 tháng 04 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 149; Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 59, 77, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 21, Điều 134, 136, khoản 4 Điều 140 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào Điều 144 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 38/ 2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 04 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Bùi Văn Ô, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hòa Bình

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1993

Địa chỉ: Xóm 5, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Bùi Văn Ô và chị Lê Thị H đăng ký kết hôn ngày 06 tháng 04 năm 2016 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa trên cơ sở tự nguyện, có giấy chứng nhận kết hôn số 16/2016. Như vậy là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình vợ chồng chung sống với nhau đoàn tụ hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, hay cãi nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh, chị không còn quan tâm đến nhau và sống ly thân được 05 năm. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng còn, mục đích hôn nhân không

đạt được. Vì vậy anh Ô và chị H đều thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn.

Xét thỏa thuận, thuận tình ly hôn của anh Ô và chị H phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[2]. Về con chung: Anh, chị đều trình bày vợ chồng có 01 (một) người con chung, tên cháu là Bùi Lê Khả H, sinh ngày 28/9/2016. Anh Ô, chị H thỏa thuận chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu H cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Ô không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy việc thỏa thuận về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án công nhận.

[3]. Về tài sản và phần nợ: Anh Ô và chị H đều trình bày vợ chồng có một thửa đất mang tên hai vợ chồng là Bùi Văn Ô và Lê Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 805111. Thửa đất số 2667, tờ bản đồ số 14, diện tích 150m², thời hạn sử dụng: Lâu dài, mục đích sử dụng chung, địa chỉ: Lô 16.19 – Khu đô thị S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay không thế chấp, không có tranh chấp, không cho thuê và không có tài sản gì trên đất. Anh, chị thống nhất, thỏa thuận tặng mảnh đất nêu trên cho con chung tên là Bùi Lê Khả H, sinh ngày 28/9/2016. Hiện nay cháu H chưa đủ 18 tuổi nên anh Bùi Văn Ô và chị Lê Thị H là người đại diện theo pháp luật và quản lý mảnh đất trên cho cháu H, khi cháu H đủ 18 tuổi thì anh Ô và chị H làm hồ sơ, thủ tục tặng cho con là Bùi Lê Khả H để cháu được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Về nợ chung không có nợ chung.

[4]. Về lệ phí: Anh, chị thỏa thuận chị H nộp toàn bộ lệ phí giải quyết việc dân sự ly hôn theo quy định của pháp luật.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 04 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bùi Văn Ô và chị Lê Thị H.

- Về con chung: Vợ chồng khẳng định có 01 (một) người con chung với nhau, tên cháu là Bùi Lê Khả H, sinh ngày 28/9/2016. Ly hôn anh, chị thỏa thuận giao cháu H cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh Ô không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H.

Anh Ô có quyền chăm sóc, giáo dục và thăm nom con chung. Chị H và các thành viên trong gia đình không được ngăn cấm, cản trở.

- Về tài sản và công nợ: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Anh Ô và chị H thống nhất tặng mảnh đất mang tên Bùi Văn Ô và Lê Thị H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX 805111. Thửa đất số 2667, tờ bản đồ số 14, diện tích 150m², thời hạn sử dụng: Lâu dài, mục đích sử dụng chung, địa chỉ: Lô 16.19 – Khu đô thị S, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa cho cháu Bùi Lê Khả H, sinh ngày 28/9/2016. Hiện nay cháu H chưa đủ 18 tuổi nên anh Bùi Văn Ô và chị Lê Thị H là người đại diện theo pháp luật và quản lý mảnh đất trên cho cháu H, khi cháu H đủ 18 tuổi thì anh Ô và chị H có trách nhiệm làm hồ sơ, thủ tục nộp cho cơ quan quản lý hành chính Nhà nước có thẩm quyền tặng cho cháu H để cháu được đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2. Về lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Chị Lê Thị H phải nộp toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0002860 ngày 01 tháng 04 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị H đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND Triệu Sơn;
- Chi cục THADS Triệu Sơn;
- UBND xã T, T
- Người yêu cầu;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thủy

